Ký bởi: CỤC THUẾ
Địa chỉ: 1A Nguyễn Công Trứ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Thời gian ký: 08.07.2026 17:57

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ

Số: 4637 /CT-CS
V/v xử lý vướng mắc liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Hội các Nhà quản trị doanh nghiệp Việt Nam.

Cục Thuế nhận được công văn số 4348/VPCP-KTTH ngày 13/5/2026 của Văn phòng Chính phủ về vướng mắc liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo kiến nghị của Hội các Nhà quản trị doanh nghiệp Việt Nam (VACD) tại công văn số 12/2026/CV-VACD ngày 06/4/2026. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến đối với các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Cục Thuế như sau:

1. Vướng mắc STT 5 về khoản 2b Điều 6, khoản 5 Điều 10 Nghị định 132/2020/NĐ-CP

*** Tóm tắt kiến nghị:** bổ sung tại dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 132/2020/NĐ-CP các quy định hướng dẫn chi tiết thực hiện điều chỉnh loại trừ các yếu tố khác biệt trọng yếu bao gồm nhưng không giới hạn cho các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp trong giai đoạn đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và chưa đạt 100% công suất thiết kế;

b) Doanh nghiệp trong năm thực hiện tái cấu trúc, đầu tư mở rộng thị trường, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh;

c) Doanh nghiệp trong năm đối mặt với suy thoái kinh tế, đứt gãy chuỗi cung ứng, các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, các thay đổi và chính sách của cơ quan nhà nước, …

Theo đó, khác biệt về giữa doanh nghiệp trong điều kiện sản xuất kinh doanh thông thường và doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các trường hợp nêu trên cần được xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến mức giá, tỷ suất lợi nhuận và cho phép thực hiện điều chỉnh khác biệt để phản ánh sự cân bằng giữa tính tuân thủ và tính khả thi trong thực tiễn, tránh phủ nhận các điều chỉnh chỉ vì hạn chế dữ liệu khách quan.

Đề nghị ban hành công văn hướng dẫn chi tiết các trường hợp này để tạo thuận lợi trong việc áp dụng đúng đắn chính sách thuế của người nộp thuế.

*** Đề xuất trả lời:**

Ngày 30/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 255/2026/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết.

Bản chất của giao dịch liên kết là rất đa dạng, việc đưa ra các tiêu chí định lượng chung cho tất cả các trường hợp sẽ gặp khó khăn. Quy định tại dự thảo Nghị định đã bám sát hướng dẫn tại các chương trình hành động của OECD và nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy không thể lượng hóa được tất cả các quy định mang tính định tính, cũng như không thể lượng hóa, quy định chi tiết đối với yếu tố khác biệt trọng yếu. Việc quy định định lượng có thể thuận lợi trong trường hợp này nhưng lại gây cứng nhắc trong trường hợp khác, đặc biệt khi không tìm được đối tượng so sánh phù hợp với con số định lượng đã đặt ra.

Nghị định 255/2026/NĐ-CP quy định các nguyên tắc phân tích, so sánh và lựa chọn đối tượng so sánh độc lập tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10. Đồng thời quy định cụ thể các phương pháp xác định giá giao dịch liên kết tại Điều 13, Điều 14 và Điều 15 để người nộp thuế căn cứ áp dụng phù hợp với đặc điểm giao dịch liên kết, dữ liệu thông tin sẵn có và nguyên tắc giao dịch độc lập.

Theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, doanh nghiệp có quyền giải trình và cung cấp các tài liệu chứng minh về nguyên nhân lỗ, về việc thực hiện điều chỉnh loại trừ các yếu tố khác biệt trọng yếu trong cả các trường hợp (doanh nghiệp mới thành lập, hoặc đang giai đoạn đầu tư, do ảnh hưởng của các yếu tố bất khả kháng...) đảm bảo nguyên tắc giao dịch độc lập.

2. Vướng mắc STT 6 về khoản 1b Điều 1 Nghị định 20/2025/NĐ-CP

*** Tóm tắt kiến nghị:** đề nghị xem xét và sửa đổi Nghị định số 20/2025/NĐ-CP bỏ cụm từ "bao gồm cả chi nhánh hạch toán độc lập thực hiện kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp" phù hợp quy định Luật quản lý thuế cụ thể: "k). Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp ~~(bao gồm cả chi nhánh hạch toán độc lập thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp)~~ chịu sự điều hành, kiểm soát, quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia;".

*** Đề xuất trả lời:**

- Tại khoản 17 Điều 4 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 quy định: *"17. Các bên có quan hệ liên kết là các bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn vào doanh nghiệp; các bên cùng chịu sự điều hành, kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một tổ chức hoặc cá nhân; các bên cùng có một tổ chức hoặc cá nhân tham gia góp vốn; các doanh nghiệp*

được điều hành, kiểm soát bởi các cá nhân là thành viên trong cùng một gia đình".

- Ngày 30/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 255/2026/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết. Điều 5 Nghị định số 255/2026/NĐ-CP kế thừa quy định tại Điều 5 của Nghị định 132/2020/NĐ-CP và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2020/NĐ-CP như sau:

"Điều 5. Các bên có quan hệ liên kết

1. Các bên có quan hệ liên kết (sau đây gọi là "bên liên kết") thực hiện theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

2. Các bên có quan hệ liên kết gồm:...

k) Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp (bao gồm cả chi nhánh hạch toán độc lập thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp) chịu sự điều hành, kiểm soát, quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia;".

Theo đó, nội dung tại Điều 5 Nghị định số 255/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khái niệm về các bên có quan hệ liên kết theo hướng dẫn chiếu quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Quản lý thuế 108/2025/QH15 và cơ bản kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi tại Nghị định số 20/2025/NĐ-CP) quy định cụ thể 12 trường hợp xác định là các bên có quan hệ liên kết (gồm 04 trường hợp liên kết về vốn, 06 trường hợp liên kết thông qua sự điều hành, kiểm soát, 02 trường hợp liên kết khác), trong đó bao gồm cả chi nhánh hạch toán độc lập thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đã được thực hiện ổn định trong nhiều năm qua.

3. Vướng mắc STT 7 về khoản 2, 3 Điều 13 Nghị định 132/2020/NĐ-CP về phương pháp so sánh giá giao dịch liên kết với giá giao dịch độc lập và Điều 2.18, 2.19 Phần B Chương II Hướng dẫn của OECD năm 2022

*** Tóm tắt kiến nghị:** bổ sung các nội dung sau tại dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 132/2020/NĐ-CP:

Bổ sung hướng dẫn cụ thể về điều chỉnh so sánh khi áp dụng PP1 đối với các giao dịch mua bán hàng hóa có giá sản phẩm được công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế.

Làm rõ về chứng từ bổ trợ giải trình xác định giá giao dịch liên kết theo phương pháp này có phù hợp với dữ liệu mà người nộp thuế có thể thu thập được khi tham chiếu tới giá trên sàn giao dịch hàng hóa này.

*** Đề xuất trả lời:**

Đối với trường hợp áp dụng phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập quy định tại Điều 13 Nghị định số 255/2026/NĐ-CP (kế thừa quy định tại Điều 13 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP), việc xác định các điều kiện giao dịch tương đồng phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều này.

Theo đó, việc so sánh được thực hiện trên cơ sở không có khác biệt trọng yếu về đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng có ảnh hưởng đến giá giao dịch; trường hợp có khác biệt trọng yếu thì phải thực hiện điều chỉnh để loại trừ ảnh hưởng của các khác biệt này.

Đặc biệt, các yếu tố về đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng có tác động trọng yếu đến giá sản phẩm (bao gồm: đặc tính, chất lượng, thương hiệu, nhãn hiệu thương mại của sản phẩm và quy mô, khối lượng giao dịch; các điều kiện hợp đồng cung cấp, chuyển giao sản phẩm; Khối lượng, thời hạn chuyển giao, thời hạn thanh toán và các điều kiện khác của hợp đồng; quyền phân phối, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, tài sản có ảnh hưởng đến giá trị kinh tế và thị trường nơi diễn ra giao dịch và các yếu tố khác tác động đến giá sản phẩm như điều kiện kinh tế và chức năng hoạt động của người nộp thuế) biến động liên tục và có sự khác biệt hầu hết đối với các trường hợp.

4. Vướng mắc STT 8 về khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết

*** Tóm tắt kiến nghị:** bổ sung hướng dẫn thực hiện phân tích so sánh cho giao dịch này, khi xem xét đến các yếu tố:

- Việt Nam ngày càng tăng cường hợp tác toàn cầu, theo đó giao dịch giữa các công ty thành viên trong Tập đoàn đa quốc gia ngày càng đa dạng.

- Hướng dẫn về xác định giá GDLK của OECD cũng có một Chương riêng trình bày về thỏa thuận chia sẻ chi phí và hướng dẫn phân tích đánh giá.

*** Đề xuất trả lời:**

Việt Nam chính thức tham gia là thành viên thứ 159 của Diễn đàn Toàn cầu về Minh bạch và trao đổi thông tin cho mục đích thuế (Global Forum on Transparency and Exchange of Information for Tax Purposes) thuộc OECD vào ngày 26/12/2019. Việc tham gia diễn đàn thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc thực hiện tiêu chuẩn quốc tế về minh bạch thuế và trao đổi thông tin, chống trốn thuế và xói mòn cơ sở thuế.

Quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP đã bám sát hướng dẫn tại các chương trình hành động nằm trong khuôn khổ dự án chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận (BEPS) (Chương trình hành động số 8, 9, 10 đưa ra các khuyến nghị sửa đổi, bổ sung quy định quản lý giá chuyển nhượng hiện hành; hành động số 4 về các biện pháp hạn chế khấu trừ lãi vay) và đã tổng hợp các thông lệ quốc tế tốt nhất của các nước trên thế giới khi thiết kế các quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP nhằm ngăn ngừa việc chuyển lợi nhuận của các tập đoàn đa quốc gia, phòng chống chuyển giá.

Về quy định liên quan đến giao dịch chia sẻ chi phí, sử dụng chung nguồn lực giữa các bên có quan hệ liên kết tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP: Tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP có quy định về nguyên tắc chi phí dịch vụ giữa các bên liên kết được tính vào chi phí tính thuế trong kỳ (dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 132/2020/NĐ-CP vẫn giữ quy định này), trong đó có quy định về nguyên tắc xác định chi phí dịch vụ được tính vào chi phí tính thuế trong kỳ và không được tính vào chi phí tính thuế trong kỳ. Các nguyên tắc trên đã bám sát hướng dẫn của OECD về chương trình hành động trong khuôn khổ dự án chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận.

5. Vướng mắc STT 9 về khoản 3 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết

*** Tóm tắt kiến nghị:** Theo hướng dẫn OECD, khi áp dụng phương pháp pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận, doanh nghiệp cần lựa chọn tỷ suất tính mức lợi nhuận (Profit Laval bulicator (PCI)) phù hợp nhất, phản ánh mối quan hệ giữa lợi nhuận và các yêu tố tạo thành giá trị của giao dịch được so sánh. Cụ thể, OECD đưa ra nguyên tắc PLI phải phù hợp với chức năng, tài sản và rủi ro của bên được kiểm tra. Việc chọn PLI cũng phải dựa trên khả năng tìm kiếm dữ liệu so sánh đáng tin cậy.

Theo đó, đề xuất chỉnh sửa, hoặc bổ sung thêm hướng dẫn về việc xác định và lựa chọn tỷ suất lợi nhuận phù hợp cho mục đích phân tích, so sánh. Chẳng hạn như việc lựa chọn PLI cần căn cứ theo mô hình hoạt động kinh doanh của bên thực hiện chức năng đơn giản hơn, ít chịu rủi ro hơn và dữ liệu tài chính đáng tin cậy hơn cho mục đích phân tích so sánh hoặc cơ sở xác định tỷ suất lợi nhuận là số liệu kế toán của đối tượng được kiểm tra về doanh thu, chi phí hoặc tài sản ít do các bên liên kết kiểm soát, quyết định.

*** Đề xuất trả lời:**

Trong quá trình xây dựng Nghị định quy định về quản lý thuế đối với giao dịch liên kết, Bộ Tài chính đã nghiên cứu và tham khảo kinh nghiệm quốc tế, trao đổi thường xuyên với chuyên gia của OECD để quy định tại Điều 14 về phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận của người nộp thuế đối với tỷ suất loại nhuận của các đối tượng so sánh độc lập. Những nguyên tắc quy định tại Điều 14 Nghị định số 255/2026/NĐ-CP đều là các nguyên tắc cốt lõi trong hướng dẫn của OECD và kế thừa quy định từ Nghị định 132/2020/NĐ-CP.

Mặt khác, Điều 6 Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định nguyên tắc phân tích, so sánh và lựa chọn đối tượng so sánh độc lập (Nghị định số 255/2026/NĐ-CP thay thế Nghị định 132/2020/NĐ-CP, kế thừa quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP). Theo đó, việc phân tích so sánh, tìm kiếm đối tượng so sánh độc lập và lựa chọn phương pháp xác định giá giao dịch liên kết phải căn cứ vào đặc điểm của giao dịch liên kết và căn cứ vào thông tin dữ liệu sẵn có, đảm bảo tương đồng, không có khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến mức giá đồng thời đảm bảo độ tin cậy của các dữ liệu so sánh.

Việc kê khai, xác định giá giao dịch liên kết đòi hỏi phải đánh giá theo từng trường hợp cụ thể dựa trên dữ liệu thực tế sẵn có, khó áp dụng cho mọi trường hợp.

6. Vướng mắc STT 18 về khoản 2 Điều 54 Bộ Luật Lao động năm 2019 về việc tính chí phí trong trường hợp thuê lao động

*** Tóm tắt kiến nghị:** sửa đổi Danh mục 20 công việc được thực hiện cho thuê lại lao động tại Phụ lục II Nghị định số 145/2020/NĐ-CP để đảm bảo cơ quan thuế cho phép tính chi phí thuê lại lao động vào chi được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ.

*** Đề xuất trả lời:**

- Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN quy định:

"Điều 9. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 của Nghị định này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện tại các điểm a, b và c sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

...

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

...

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng".

- Tại khoản 23 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP nêu trên quy định:

"23. Khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành, bao gồm: Khoản chi cho làm thêm giờ vượt mức thời gian quy định của pháp luật về lao động; khoản chi quảng cáo trong trường hợp quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị cấm quảng cáo hoặc quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nhưng doanh nghiệp không thực hiện đăng ký quảng cáo theo quy định của pháp luật; khoản chi phục vụ sản xuất, kinh doanh không đúng hoặc vượt mức chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành".

- Tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Bộ Luật lao động hướng dẫn về điều kiện lao động và quan hệ lao động về Danh mục 20 công việc được phép thực hiện cho thuê lại lao động. Đây là các công việc mang tính tạm thời hoặc cần chuyên môn cụ thể mà doanh nghiệp có thể thuê ngoài. Danh mục bao gồm 20 công việc thuộc các nhóm hành chính, kỹ thuật, dịch vụ và vận hành, như phiên dịch, thư ký, lễ tân, hỗ trợ bán hàng, vệ sinh, bảo vệ, lái xe, và các kỹ thuật chuyên sâu về máy móc, khai thác mỏ... Doanh nghiệp cho thuê lại lao động chỉ được phép thực hiện đối với các công việc nằm trong danh mục này.

Pháp luật về thuế TNDN quy định, về nguyên tắc doanh nghiệp có các khoản chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thuế GTGT, phù hợp với pháp luật chuyên ngành thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ.

Theo đó, trường hợp doanh nghiệp có các khoản chi thuê lao động thời vụ của các doanh nghiệp cho thuê lại lao động, tuy nhiên điều kiện lao động và quan hệ lao động không thuộc Danh mục 20 công việc được phép thực hiện cho thuê lại lao động quy định tại Phụ lục II Nghị định số 145/2020/NĐ-CP thì doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN đối với khoản chi thuê lao động trên.

Liên quan đến vấn đề này, Cục Thuế có công văn số 3705/CT-CS ngày 05/6/2026 trả lời Thuế tỉnh Phú Thọ như sau:

"Về vướng mắc của Thuế tỉnh Phú Thọ liên quan đến hoạt động cho thuê lại lao động, Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ) đã có công văn số 515/CTL&BHXH-CSLĐ ngày 31/3/2026, Bộ Khoa học công nghệ đã có công văn số 1990/BKHCN-KHTC ngày 02/04/2026 phúc đáp công văn số 1543/CTCS ngày 17/3/2026 của Cục Thuế.

...

Trường hợp doanh nghiệp có các khoản chi phí mà khoản chi này vi phạm pháp luật chuyên ngành thì không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 23 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP của Chính phủ, việc kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15".

Do đó, đối với kiến nghị sửa đổi Danh mục 20 công việc được cho thuê lại lao động tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, đề nghị đơn vị có ý kiến đối với Bộ Nội vụ và Lao động là đơn vị chủ trì, xây dựng Nghị định số 145/2020/NĐ-CP nêu trên để đảm bảo đúng chức năng và nhiệm vụ.

7. Vướng mắc STT 19 về thời điểm xác định doanh thu tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài tại Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15, Nghị định 320/2025/NĐ-CP, Thông tư 20/2025/TT-BTC

*** Tóm tắt kiến nghị:** Tại thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn hay thời điểm hợp đồng chuyển nhượng vốn có hiệu lực, chưa có cơ sở pháp lý để bên bán ghi nhận thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Do đó, Thông tư 20/2025/TT-BTC xác định ngày hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng vốn ban đầu là thời điểm phát sinh doanh thu tính thuế TNDN của doanh nghiệp nước ngoài là thiếu cơ sở pháp lý, không nhất quán với các quy định thuế TNDN.

Do đó, đề xuất hướng dẫn thời điểm xác định thu nhập chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài để đảm bảo tính pháp lý và khả thi của quy định.

*** Đề xuất trả lời:**

- Tại Điều 8 Luật Thuế TNDN quy định:

"Điều 8. Doanh thu

1. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này".

- Căn cứ nội dung giao tại khoản 2 Điều 8, tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN quy định: *"Thời điểm xác định thu nhập từ chuyển nhượng vốn là thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn".* Đồng thời, tại điểm c khoản 2 Điều 8 giao *"Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thời điểm xác định doanh thu ngoài các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này".*

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định 320/2025/NĐ-CP, tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/3/2026 của Bộ Tài chính quy định: *"2. Thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong một số trường hợp đối với doanh nghiệp nước ngoài như sau: a) Đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng vốn ban đầu có hiệu lực theo quy định".*

Theo các quy định nêu trên thì:

Đối với doanh nghiệp nước ngoài: Thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng vốn bắt đầu có hiệu lực theo quy định.

Việc quy định như nêu trên đảm bảo phù hợp nguyên tắc xác định số thuế TNDN phải nộp của các đối tượng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn (đối với doanh nghệp Việt Nam là phương pháp kê khai doanh thu - chi phí, đối với doanh nghiệp nước ngoài là phương pháp trực tiếp), không phải khi doanh nghiệp nước ngoài phát sinh thu nhập thì mới thu thuế; đồng thời, việc quy định như nêu trên phù hợp với quy định của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 và thẩm quyền được giao.

8. Vướng mắc STT 20 về phương pháp tính thuế TNDN đối với doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam

*** Tóm tắt kiến nghị:** tại Thông tư 20/2026/TT-BTC đã quy định phương pháp tính thuế đối với các trường hợp doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam mà chưa đề cập doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam. Do vậy, đề xuất Bộ Tài chính, Cục Thuế hướng dẫn các doanh nghiệp tuân

thủ nghĩa vụ thuế đối với các hợp đồng ký với doanh nghiệp nước ngoài và đang kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế.

*** Đề xuất trả lời:**

Hiện nay, Cục Thuế đang phối hợp với Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí (đơn vị chủ trì soạn thảo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 và Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/3/2026) nghiên cứu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện quy định về phương pháp tính thuế đối với doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam.

Cục Thuế trả lời để Quý đơn vị được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- PCTr. Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- PCTr. Lê Long (để b/c);
- Cục: CST, DNTN (BTC);
- Ban: PC, KTr (Cục Thuế);
- Website CT;
- Lưu: VT, CS.

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN BAN CHÍNH SÁCH, THUẾ QUỐC TẾ
PHÓ TRƯỞNG BAN

BỘ TÀI CHÍNH CỤC THUẾ

Mạnh Thị Tuyết Mai

4019 | CS